



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco ("Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-01-00370-22-2



Trương Vinh Phúc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3073-2019-007-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		728.853.523.517	750.821.857.348
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	446.399.000.546	566.310.617.349
Tiền	111		61.399.000.546	36.310.617.349
Các khoản tương đương tiền	112		385.000.000.000	530.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.736.379.530	94.598.683.931
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	102.409.537.291	48.783.797.707
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	4.809.862.201	10.919.592.923
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	39.600.319.131	34.895.293.301
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(83.339.093)	-
Hàng tồn kho	140	13	119.613.439.907	85.234.295.433
Hàng tồn kho	141		119.613.439.907	85.234.295.433
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.104.703.534	4.678.260.635
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.074.736.961	1.590.582.912
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.029.966.573	2.905.697.988
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	181.979.735
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.071.294.830.209	1.005.233.846.764
Các khoản phải thu dài hạn	210		233.500.000	231.500.000
Phải thu dài hạn khác	216		233.500.000	231.500.000
Tài sản cố định	220		1.043.543.696.042	977.629.035.981
Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.020.503.254.039	954.282.091.732
Nguyên giá	222		4.270.039.391.401	4.077.341.622.384
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.249.536.137.362)	(3.123.059.530.652)
Tài sản cố định vô hình	227	15	23.040.442.003	23.346.944.249
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.210.538.208)	(4.904.035.962)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	18.046.246.940	17.640.046.940
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(46.453.753.060)	(46.859.953.060)
Tài sản dài hạn khác	260		9.471.387.227	9.733.263.843
Chi phí trả trước dài hạn	261		180.636.615	361.273.231
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	36(c)	9.290.750.612	9.371.990.612
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.800.148.353.726	1.756.055.704.112

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		717.872.935.715	608.388.992.794
Nợ ngắn hạn	310		395.837.817.496	361.751.568.544
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	83.243.287.310	46.412.595.336
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		110.124.960	107.796.886
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	4.934.829.300	25.410.103.865
Phải trả người lao động	314		25.628.716.751	38.784.964.465
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	9.103.739.786	9.784.190.851
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	74.285.022.036	28.781.083.476
Vay ngắn hạn	320	21(a)	97.097.403.787	96.821.123.742
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	79.101.199.875	104.987.339.280
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	22.333.493.691	10.662.370.643
Nợ dài hạn	330		322.035.118.219	246.637.424.250
Vay dài hạn	338	21(b)	322.035.118.219	246.637.424.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.082.275.418.011	1.147.666.711.318
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.082.275.418.011	1.147.666.711.318
Vốn cổ phần	411	25	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		123.257.066	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		-	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.993.645.722	147.303.765.762
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		65.568.134.914	17.997.895.153
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		4.425.510.808	129.305.870.609
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.800.148.353.726	1.756.055.704.112

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	519.392.622.473	524.992.452.942
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	29	472.058.844.077	439.452.109.464
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		47.333.778.396	85.540.343.478
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	9.450.744.928	6.395.784.347
Chi phí tài chính	22	31	16.384.615.545	12.698.017.783
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.445.180.380</i>	<i>12.571.717.683</i>
Chi phí bán hàng	25		901.324.708	891.573.263
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	33.983.448.481	38.945.401.283
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.515.134.590	39.401.135.496
Thu nhập khác	31	33	4.500.637.115	13.638.375.523
Chi phí khác	32	34	2.859.891.741	97.719.644
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.640.745.374	13.540.655.879
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.155.879.964	52.941.791.375
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	2.649.129.156	11.685.264.806
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	81.240.000	12.120.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.425.510.808	41.244.406.569
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	55	475

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Phan Nhân Tri
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		7.155.879.964	52.941.791.375
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		126.783.108.956	122.721.834.816
Các khoản dự phòng	03		30.367.259.246	35.948.890.048
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.280.864.560	(815.564.573)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.374.385.455)	(18.634.503.658)
Chi phí lãi vay	06		12.445.180.380	12.571.717.683
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		171.657.907.651	204.734.165.691
Biến động các khoản phải thu	09		(62.573.613.708)	4.365.347.365
Biến động hàng tồn kho	10		(34.379.144.474)	6.132.038.463
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(24.155.239.280)	(15.042.926.460)
Biến động chi phí trả trước	12		696.482.567	122.749.052
			51.246.392.756	200.311.374.111
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.527.565.045)	(12.823.661.971)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.937.091.977)	(13.150.860.486)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.722.575.000)	(6.863.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.059.160.734	167.473.851.654
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(192.697.769.017)	(922.998.907)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	13.479.667.976
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		6.769.412.852	5.154.835.682
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(185.928.356.165)	17.711.504.751

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	32		11.918.826.733	-
Tiền thu từ đi vay	33		153.630.862.098	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(81.165.018.597)	(49.276.940.734)
Tiền trả cổ tức	36		(30.456.797.200)	(29.610.257.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		53.927.873.034	(78.887.197.934)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(119.941.322.397)	106.298.158.471
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		566.310.617.349	348.425.596.671
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.705.594	(5.298.768)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	446.399.000.546	454.718.456.374

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 2 công ty con (1/1/2022: 2 công ty con), chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	
		30/6/2022	1/1/2022
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty và các công ty con có 552 nhân viên (1/1/2022: 558 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty và các công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

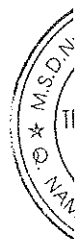
(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty và các công ty con thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Số dư dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định theo dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty và các công ty con không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi nào trong cơ cấu Công ty và các công ty con phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: Vận tải xăng dầu.
- Bộ phận kinh doanh thương mại: Mua bán xăng dầu.
- Bộ phận khác: Các hoạt động khác của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng và dịch vụ ra bên ngoài	456.733.091.877	47.075.537.751	15.583.992.845	-	519.392.622.473
Doanh thu giữa các bộ phận	-	11.776.000.000	4.500.341.810	(16.276.341.810)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	456.733.091.877	58.851.537.751	20.084.334.655	(16.276.341.810)	519.392.622.473
Kết quả kinh doanh của bộ phận	39.706.516.098	1.524.020.098	6.103.242.200	-	47.333.778.396
Chi phí phân bổ	(30.520.405.292)	(969.118.172)	(3.395.249.725)	-	(34.884.773.189)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	9.186.110.806	554.901.926	2.707.992.475	-	12.449.005.207
Doanh thu hoạt động tài chính					9.450.744.928
Chi phí tài chính					(16.384.615.545)
Thu nhập khác					4.500.637.115
Chi phí khác					(2.859.891.741)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(2.730.369.156)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					4.425.510.808

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng và dịch vụ ra bên ngoài	492.278.464.232	17.911.703.221	14.802.285.489	-	524.992.452.942
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	3.500.277.115	(3.500.277.115)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	492.278.464.232	17.911.703.221	18.302.562.604	(3.500.277.115)	524.992.452.942
Kết quả kinh doanh của bộ phận	78.195.622.780	1.557.804.187	5.786.916.511	-	85.540.343.478
Chi phí phân bổ	(35.419.234.419)	(1.037.481.136)	(3.380.258.991)	-	(39.836.974.546)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	42.776.388.361	520.323.051	2.406.657.520	-	45.703.368.932
Doanh thu hoạt động tài chính					6.395.784.347
Chi phí tài chính					(12.698.017.783)
Thu nhập khác					13.638.375.523
Chi phí khác					(97.719.644)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(11.697.384.806)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					41.244.406.569

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	1.186.589.583.023	51.038.486.789	47.531.022.396	1.285.159.092.208
Tài sản không phân bổ				514.989.261.518
Tổng tài sản				1.800.148.353.726
Nợ phải trả của bộ phận	561.793.988.840	48.618.414.794	39.543.594.345	649.955.997.979
Các khoản nợ không phân bổ				67.916.937.736
Tổng nợ phải trả				717.872.935.715

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	1.033.146.523.296	8.497.015.793	42.208.575.859	1.083.852.114.948
Tài sản không phân bổ				672.203.589.164
Tổng tài sản				1.756.055.704.112
Nợ phải trả của bộ phận	524.164.992.003	8.005.653.138	25.620.582.393	557.791.227.534
Các khoản nợ không phân bổ				50.597.765.260
Tổng nợ phải trả				608.388.992.794



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Chi tiêu vốn	192.697.769.017	-	-	192.697.769.017
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	126.476.606.710	-	-	126.476.606.710
Khấu hao tài sản cố định vô hình	306.502.246	-	-	306.502.246

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Chi tiêu vốn	922.998.907	-	-	922.998.907
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	122.415.332.570	-	-	122.415.332.570
Khấu hao tài sản cố định vô hình	306.502.246	-	-	306.502.246

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty và các công ty con hoạt động tại miền Nam và miền Trung Việt Nam. Hoạt động kinh doanh tại miền Trung là không trọng yếu đối với Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	636.493.245	388.403.757
Tiền gửi ngân hàng	60.762.507.301	35.922.213.592
Các khoản tương đương tiền (*)	385.000.000.000	530.000.000.000
	446.399.000.546	566.310.617.349

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất năm trong khoảng từ 3,2% đến 3,5% (1/1/2022: từ 2,9% đến 3,5%).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm 40.000 triệu VND (1/1/2022: 0 VND) tiền gửi ngân hàng đã được dùng để thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 21(b)).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	43.124.080.404	14.566.440.145
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	28.709.810.453	21.753.836.583
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	2.224.138.024	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	1.829.413.961	1.644.595.500
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	496.319.799	310.343.954
Công ty Cổ phần VT&DV Petrolimex Hải Phòng	458.368.692	475.826.500
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	138.810.000	181.799.200
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	85.468.520	58.367.100
Công ty Xăng dầu B12	6.673.275	-
	77.073.083.128	38.991.208.982
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Động Lực	13.686.998.032	-
Công ty TNHH Vận tải biển Đông Long	7.067.564.034	-
Fratelli Cosulich Bunkers Ltd	2.477.120.326	7.987.271.057
Các khách hàng khác	2.104.771.771	1.805.317.668
	25.336.454.163	9.792.588.725
	102.409.537.291	48.783.797.707

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trả trước mua nhiên liệu	770.503.135	-
Trả trước hợp đồng hệ thống xử lý nước dẫn tàu	-	2.470.858.512
Trả trước khác	4.039.359.066	8.448.734.411
	4.809.862.201	10.919.592.923

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Chi hộ các công ty liên quan	11.545.419.467	12.967.142.324
▪ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	3.217.228.383	3.259.157.332
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	6.001.238.574	4.906.207.242
▪ Công ty CP VT&DV Petrolimex Hải Phòng	1.434.779.655	1.456.679.439
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	223.509.780	2.343.395.537
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco	668.663.075	424.940.935
▪ Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn	-	576.761.839
Tạm ứng cho người lao động	2.710.754.922	2.033.339.608
Phải thu Nhà nước (Thuyết minh 22)	12.500.000.000	12.500.000.000
Các khoản phải thu khác	12.844.144.742	7.394.811.369
	39.600.319.131	34.895.293.301

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

13. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Nguyên vật liệu	114.571.837.254	83.644.323.840
Công cụ và dụng cụ	713.901.239	644.652.579
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.327.701.414	945.319.014
	119.613.439.907	85.234.295.433

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

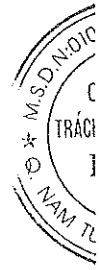
Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	106.179.491.913	491.464.601	3.970.236.883.768	433.782.102	4.077.341.622.384
Tăng trong kỳ	-	-	192.697.769.017	-	192.697.769.017
Số dư cuối kỳ	106.179.491.913	491.464.601	4.162.934.652.785	433.782.102	4.270.039.391.401
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.932.347.545	491.464.601	3.114.201.936.404	433.782.102	3.123.059.530.652
Khấu hao trong kỳ	1.448.594.292	-	125.028.012.418	-	126.476.606.710
Số dư cuối kỳ	9.380.941.837	491.464.601	3.239.229.948.822	433.782.102	3.249.536.137.362
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	98.247.144.368	-	856.034.947.364	-	954.282.091.732
Số dư cuối kỳ	96.798.550.076	-	923.704.703.963	-	1.020.503.254.039

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 701.475 triệu VND (1/1/2022: 618.181 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 812.945 triệu VND (1/1/2022: 809.245 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.904.035.962
Khấu hao trong kỳ	306.502.246
Số dư cuối kỳ	5.210.538.208
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	23.346.944.249
Số dư cuối kỳ	23.040.442.003

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2022				1/1/2022							
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(46.453.753.060)	(*)	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(46.859.953.060)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho càng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	-	(*)	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.453.753.060)</u>		<u>64.500.000.000</u>			<u>64.500.000.000</u>	<u>(46.859.953.060)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV	33.826.961.292	7.515.724.062
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	14.207.050.819	10.014.536.635
CTY Xăng dầu B12	20.494.081.800	910.745.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	3.879.948.296	1.078.276.782
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	1.971.408.572	2.046.837.552
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	359.759.785	1.029.719.460
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	231.053.539	-
Công ty Bảo hiểm PIJICO Sài Gòn	191.258.822	1.163.775.397
Công ty Xăng dầu Khu vực 5	117.429.125	132.706.750
Công ty Xăng dầu Nghệ An	63.337.313	-
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	34.859.491	36.555.994
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	-	6.977.648.247
Công ty Xăng dầu Bình Định	-	66.353.375
	75.377.148.854	30.972.879.254
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH An Dương	1.193.840.043	2.500.902.888
Công ty TNHH MTV Thái Sơn	-	4.655.617.360
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải An Thái Dương	-	1.685.666.950
Các nhà cung cấp khác	6.672.298.413	6.597.528.884
	7.866.138.456	15.439.716.082
	83.243.287.310	46.412.595.336

Khoản phải trả cho các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	301.284.134	22.729.425.139	(22.128.790.112)	901.919.161
Thuế nhập khẩu	-	18.901.807.004	(18.901.807.004)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.591.707.038	2.467.149.421	(23.937.091.977)	2.121.764.482
Thuế thu nhập cá nhân	1.429.147.269	2.104.550.957	(3.026.145.699)	507.552.527
Các loại thuế khác	87.965.424	2.223.774.332	(908.146.626)	1.403.593.130
	25.410.103.865	48.426.706.853	(68.901.981.418)	4.934.829.300

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	2.970.522.977	2.329.070.404
Chi phí lãi vay	1.441.409.160	1.649.155.105
Bảo hiểm	879.045.657	2.649.039.848
Cảng phí	-	1.062.834.652
Các khoản khác	3.812.761.992	2.094.090.842
	9.103.739.786	9.784.190.851

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả công ty mẹ	33.172.173.600	-
Chi hộ cảng phí	17.928.401.740	6.418.507.491
Phải trả về hoạt động nhập khẩu ủy thác	4.450.912.947	5.014.435.818
Kinh phí công đoàn	2.645.272.359	1.907.896.771
Cổ tức phải trả cổ đông khác	1.558.546.460	1.294.184.460
Chi hộ chi phí thuyền viên	1.437.769.100	1.324.579.718
Chi phí khác	13.091.945.830	12.821.479.218
	74.285.022.036	28.781.083.476

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2022 VND	Tăng VND	Biến động trong kỳ Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 30/6/2022 VND
Vay ngắn hạn	13.915.762.302	31.483.662.098	(36.001.835.738)	-	9.397.588.662
Vay dài hạn đến hạn trả	82.905.361.440	49.081.862.500	(45.163.182.859)	875.774.044	87.699.815.125
	96.821.123.742	80.565.524.598	(81.165.018.597)	875.774.044	97.097.403.787

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	VND	7,5%	9.397.588.662	13.915.762.302

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành (i)	VND	7,9%	2026	131.969.155.500	147.494.938.500
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (i)	USD	4,5%	2027	58.677.990.000	63.181.272.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (i)	USD	4,0%	2023	96.940.587.844	111.282.186.750
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (i)	USD	4,5%	2022	-	7.584.388.440
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Chi nhánh HCM (ii)	VND	7,3%	2032	122.147.200.000	-
				409.734.933.344	329.542.785.690
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(87.699.815.125)	(82.905.361.440)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				322.035.118.219	246.637.424.250

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản vay được đảm bảo bằng:

- (i) Tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 701.475 triệu VND (1/1/2022: 618.181 triệu VND) (Thuyết minh 14);
- (ii) Tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Chi nhánh HCM với số dư là 40.000 triệu VND (1/1/2022: 0 VND) (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự phòng phải trả Nhà nước (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Dự phòng sửa chữa lớn (ii)	29.101.199.875	54.987.339.280
	79.101.199.875	104.987.339.280

- (i) Ngày 20 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm số 400/2020/HS-ST (“Bản án”) đối với vụ việc liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư khu nhà, đất số 8 – 12 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, mà trong đó Công ty là bên liên đới trong vụ xét xử. Trước đây, trong năm 2010, Công ty (xuất phát từ tư cách là một trong các bên thuê đất tại số 8 – 12 Lê Duẩn và được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (“UBND”) chỉ định tham gia dự án đầu tư khu nhà đất số 8 – 12 Lê Duẩn với tư cách là cổ đông góp vốn trong Công ty cổ phần đầu tư Lavenue) đã thực góp số tiền 12,5 tỷ VND. Sau đó, cũng trong năm 2010, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư Lavenue cho một đối tác và ghi nhận doanh thu tài chính với số tiền 50 tỷ VND và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 12,5 tỷ VND tương ứng vào Ngân sách Nhà nước. Theo kết luận của Bản án, trường hợp Công ty không đủ năng lực tài chính tham gia dự án đầu tư thì *“phải báo cáo UBND để có biện pháp tìm kiếm nhà đầu tư mới, việc thay đổi nhà đầu tư phải được sự đồng ý của UBND”*. Do đó, cũng theo Bản án khoản doanh thu tài chính *“50 tỷ VND từ việc chuyển nhượng này là khoản thu lợi bất chính nên cần được thu hồi theo quy định của pháp luật và Công ty được quyền liên hệ với Chi cục thuế Quận 1 để hạch toán lại số tiền thuế đã nộp”*. Trong năm 2020, với kết luận của Bản án sơ thẩm, Ban lãnh đạo Công ty nhận định rằng Công ty đã có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể xảy ra và giá trị của nghĩa vụ nợ có thể được ước tính một cách tin cậy. Do đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh theo kết luận của Bản án sơ thẩm để ghi nhận khoản dự phòng phải trả Nhà nước với số tiền 50 tỷ VND, khoản thuế phải thu Nhà nước với số tiền 12,5 tỷ VND (Thuyết minh 12) và đồng thời ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 37,5 tỷ VND. Ngày 2 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án Phúc thẩm số 452/2021/HSPT theo đó Tòa án đưa ra kết luận y án sơ thẩm. Ngày 13 tháng 7 năm 2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định thi hành án chủ động số 2483/QĐ-CTHADS theo đó buộc Công ty nộp lại số tiền 50 tỷ VND để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Ngày 22 tháng 7 năm 2022, Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền trên.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	54.987.339.280	33.424.443.081
Dự phòng lập trong kỳ	30.690.120.153	41.625.002.004
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(56.576.259.558)	(5.676.111.956)
Số dư cuối kỳ	29.101.199.875	69.373.333.129

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.662.370.643	7.740.294.062
Trích lập trong kỳ	17.842.298.048	19.282.146.581
Sử dụng quỹ	(6.171.175.000)	(6.862.500.000)
Số dư cuối kỳ	22.333.493.691	20.159.940.643

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	62.873.374.534	1.100.736.320.090
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	41.244.406.569	41.244.406.569
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(19.282.146.581)	(19.282.146.581)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(63.093.332.800)	(63.093.332.800)
Điều chuyển quỹ	-	-	-	(37.500.000.000)	37.500.000.000	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	213.491.855.223	59.242.301.722	1.059.605.247.278
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	213.491.855.223	147.303.765.762	1.147.666.711.318
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	4.425.510.808	4.425.510.808
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.842.298.048)	(17.842.298.048)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	283.272.976	11.635.553.757	-	-	11.918.826.733
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	798.666.660.000	123.257.066	-	213.491.855.223	69.993.645.722	1.082.275.418.011

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	1.000.000	10.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

26. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: chia cổ tức với số tiền là 63.093 triệu VND, tương đương 800 VND mỗi cổ phiếu).

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Trương đương VND	Nguyên tệ	Trương đương VND
USD	34.105	789.015.473	276.697	6.264.417.590

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	47.075.537.751	17.911.703.221
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	456.733.091.877	492.278.464.232
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	15.583.992.845	14.802.285.489
	519.392.622.473	524.992.452.942

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Giá vốn bán hàng hóa	45.551.517.653	16.353.899.034
Giá vốn dịch vụ vận tải biển	417.026.575.779	414.082.841.452
Giá vốn dịch vụ khác	9.480.750.645	9.015.368.978
	472.058.844.077	439.452.109.464

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi	7.874.385.455	3.904.835.682
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.076.359.473	425.329.092
Cổ tức được chia	500.000.000	1.250.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	815.564.573
Doanh thu tài chính khác	-	55.000
	9.450.744.928	6.395.784.347

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí lãi vay	12.445.180.380	12.571.717.683
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.280.864.560	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.063.518.393	125.131.398
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác	(406.200.000)	-
Chi phí tài chính khác	1.252.212	1.168.702
	16.384.615.545	12.698.017.783

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.325.293.055	18.129.719.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.224.584.587	4.780.889.442
Chi phí khấu hao	2.690.777.283	2.998.315.614
Chi phí vật liệu quản lý	402.471.585	2.718.705.651
Chi phí đồ dùng văn phòng	121.740.133	991.853.117
Chi phí khác	10.218.581.838	9.325.918.039
	33.983.448.481	38.945.401.283

33. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Bảo hiểm bồi thường sự cố	4.227.732.294	-
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	13.479.667.976
Các khoản khác	272.904.821	158.707.547
	4.500.637.115	13.638.375.523

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Khắc phục sự cố tàu	2.548.661.152	-
Các khoản khác	311.230.589	97.719.644
	2.859.891.741	97.719.644

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	146.021.042.431	118.337.298.875
Chi phí nhân viên	72.474.117.611	98.891.142.923
Chi phí khấu hao	126.783.108.956	122.721.834.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.013.633.756	55.836.104.017
Chi phí khác	63.482.579.259	66.705.934.271

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.584.223.156	11.685.264.806
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	64.906.000	-
	2.649.129.156	11.685.264.806
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	81.240.000	12.120.000
	2.730.369.156	11.697.384.806

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.155.879.964	52.941.791.375
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.431.175.993	10.588.358.275
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.334.287.163	1.359.026.531
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	64.906.000	-
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế	(100.000.000)	(250.000.000)
	<u>2.730.369.156</u>	<u>11.697.384.806</u>

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần An Phú.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
Lợi nhuận thuần hợp nhất trong kỳ (VND)	4.425.510.808	41.244.406.569
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(3.804.880.600)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	4.425.510.808	37.439.525.969
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang (số cổ phiếu)	78.866.666	78.866.666
Ảnh hưởng của việc phát hành lại cổ phiếu quỹ (số cổ phiếu)	928.177	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	79.794.843	78.866.666
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	55	475

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

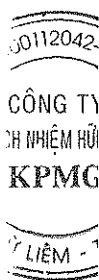
Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	297.500.146.364	257.186.298.232
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	207.213.645.056	251.623.512.183
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.062.184.507	-
Chia cổ tức	33.172.173.600	33.172.173.600
Các công ty liên quan khác		
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ		
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.996.154.479	9.333.855.287
Công ty Xăng dầu Đồng Nai		
Mua hàng hóa và dịch vụ	27.070.990.734	11.917.575.178
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.030.929.053	17.922.814.728
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Cung cấp dịch vụ	85.182.870	305.061.366
Mua hàng hóa và dịch vụ	35.300.231.293	22.287.635.097
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu		
Mua hàng hóa và dịch vụ	36.097.334.501	17.770.351.022
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch Vụ Petrolimex Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ	835.360.908	1.020.053.181
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.944.180.534	1.990.245.563
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP		
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.332.767.105	14.047.788.300
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 – TNHH MTV		
Cung cấp dịch vụ	1.717.223.894	1.314.149.523
Mua hàng hóa và dịch vụ	220.905.256.121	106.293.704.938

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty Xăng dầu Nghệ An Mua hàng hóa và dịch vụ	13.658.307.669	3.917.882.346
Công ty Xăng dầu Khu Vực 5 Mua hàng hóa và dịch vụ	621.990.500	98.185.012
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex Mua hàng hóa và dịch vụ	-	182.010.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex Cung cấp dịch vụ	4.866.074.065	3.884.594.529
Công ty Xăng dầu Bình Định Mua hàng hóa và dịch vụ	234.554.500	572.462.500
Công ty Xăng dầu B12 Bán hàng Mua hàng hóa và dịch vụ	6.673.275 30.504.983.562	16.272.010 6.354.572.885
Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Phòng Mua hàng hóa và dịch vụ	850.315.273	820.750.818
Công ty Bảo hiểm PJICO Đà Nẵng Mua hàng hóa và dịch vụ	49.520.863	50.183.606
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO Bán hàng và cung cấp dịch vụ	278.153.000	689.046.182
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long Mua hàng hóa và dịch vụ	2.272.324.873	2.569.429.103
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè Mua hàng hóa và dịch vụ	198.112.379	150.345.000
Công ty Xăng dầu Phú Khánh Mua hàng hóa và dịch vụ	179.938.750	153.750.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang Cổ tức được chia	500.000.000	1.250.000.000



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2022 30/6/2021
VND VND

Thành viên Ban Giám đốc
Tiền lương và thưởng

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc	309.000.000	310.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc	249.000.000	250.000.000
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	249.000.000	250.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	249.000.000	250.000.000
Bà Văn Thị Hồng Phụng	Phó Tổng Giám đốc	249.000.000	250.000.000

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
Tiền lương, thưởng và thù lao

Ông La Văn Út	Chủ tịch	369.000.000	370.000.000
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	249.000.000	227.800.000
Bà Phạm Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	33.600.000	14.000.000
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	33.600.000	14.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	-	19.600.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát	-	19.600.000

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thông tin so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phan Nhân Tri
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
 Tổng Giám đốc